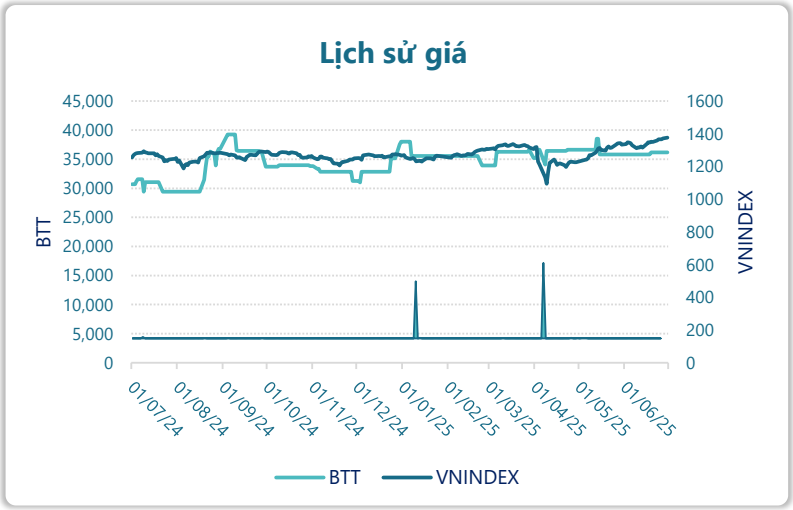
FireAnt

CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (HSX: BTT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,251
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,410
SL cổ phiếu LH	13,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	715
% sở hữu nước ngoài	4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	520
P/E	10.2
EPS	3,783

DT thuần

Q2/25

60.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -24.0%

YoY: ▼9.70| -13.9%

LN sau thuế

Q2/25

14.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.30| -2.1%

YoY: ▲ 2.40| 20.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

29.5%

+/- YoY: ▲ 8.3%

DT thuần

6T 2025

139

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 2.5%

LN sau thuế

6T 2025

28.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.10| 17.0%

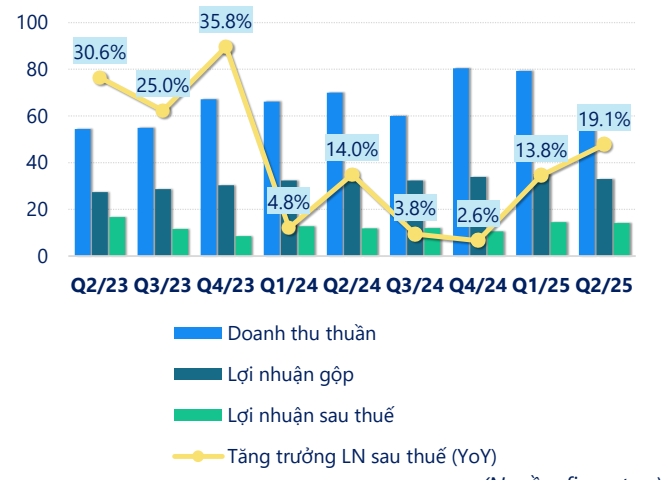
ROE

Q2/25

12.3%

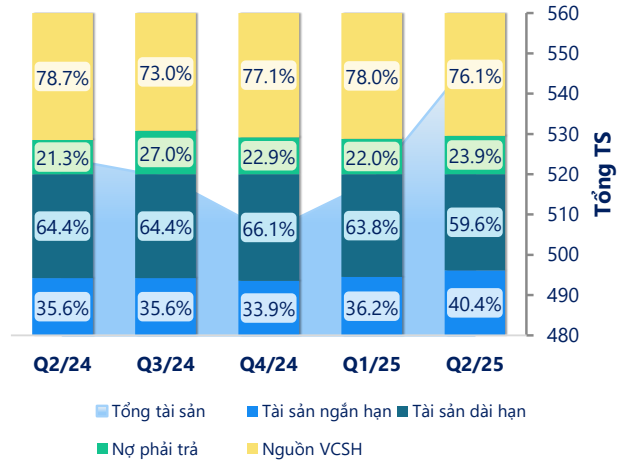
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



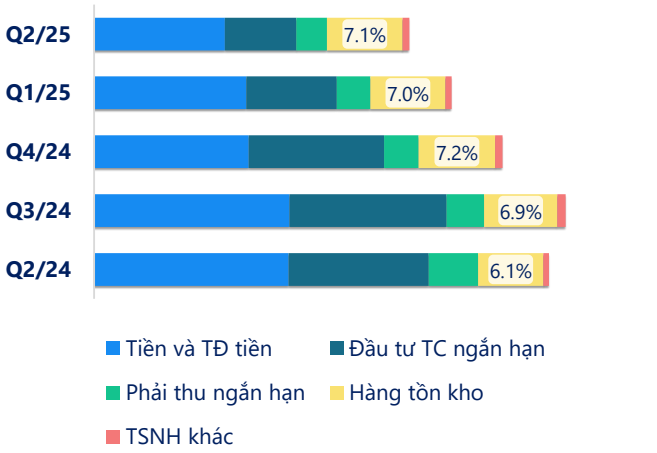
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



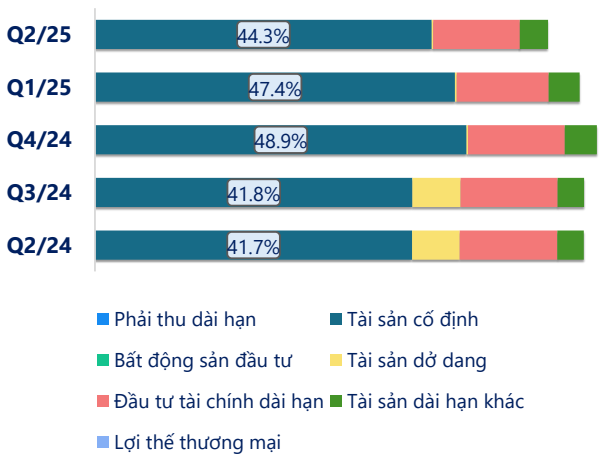
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



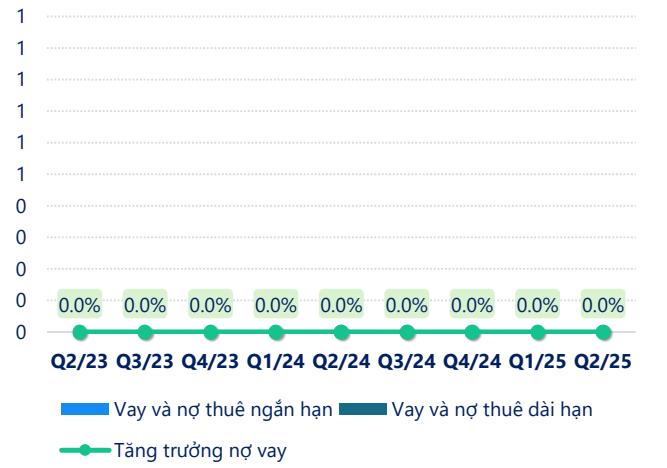
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



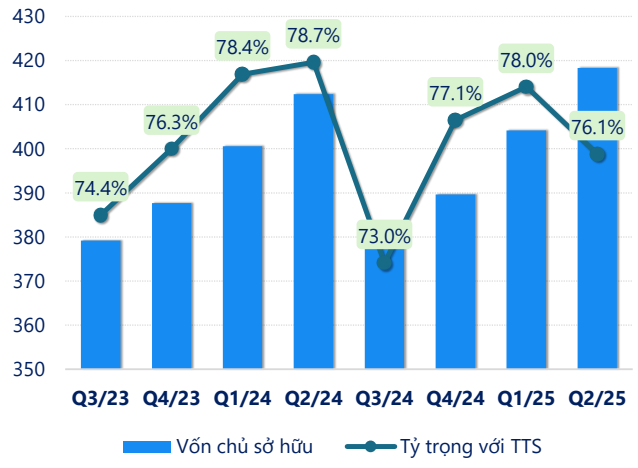
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



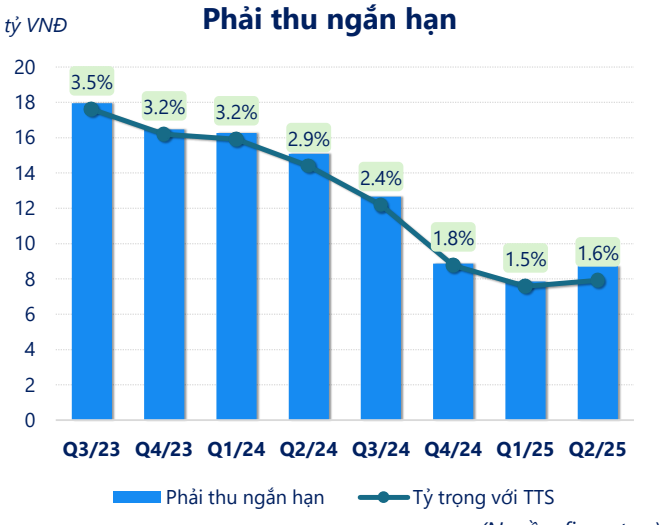
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



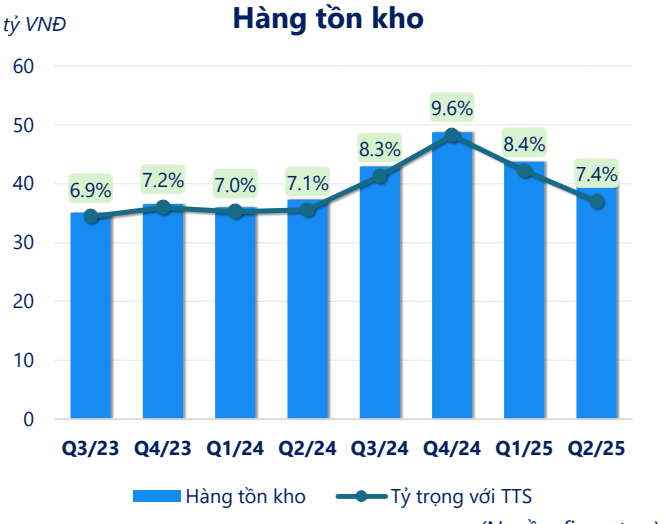
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



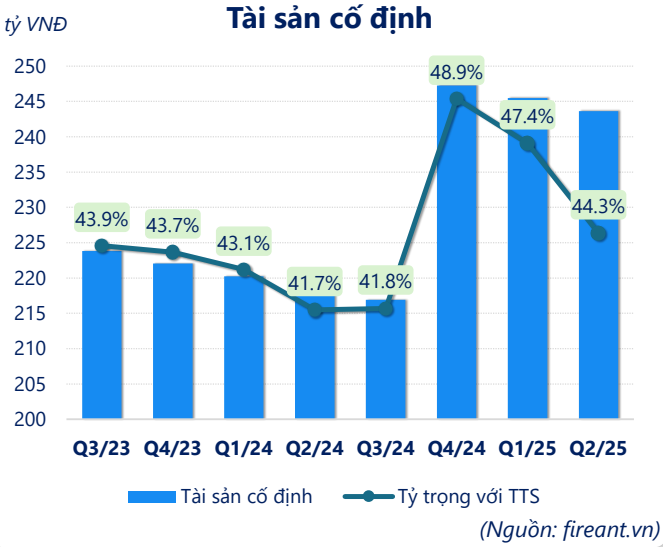
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



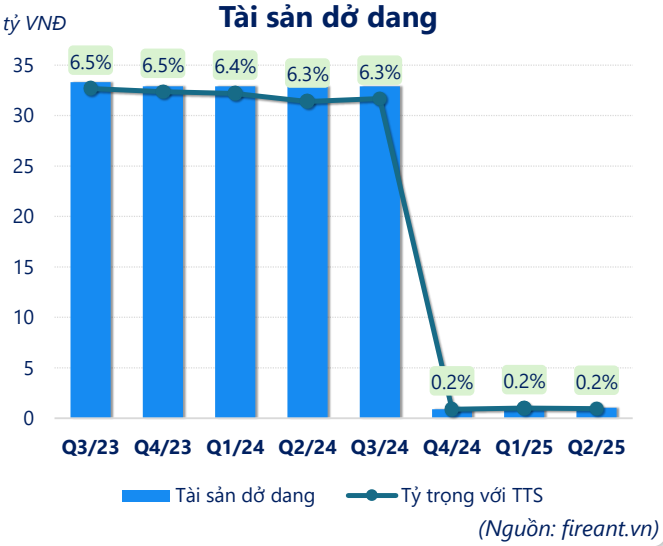
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



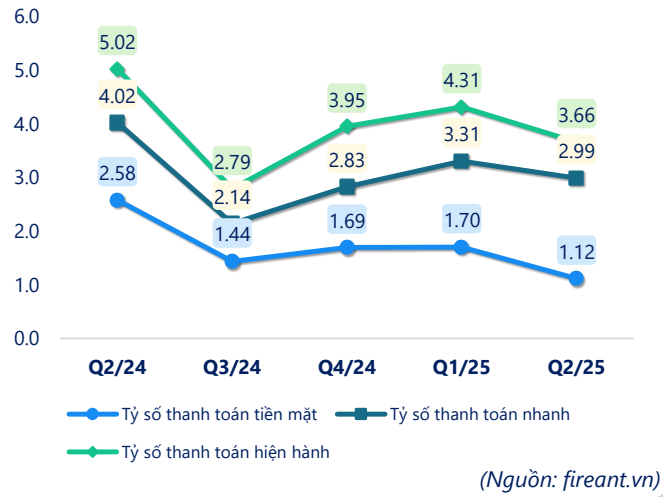
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



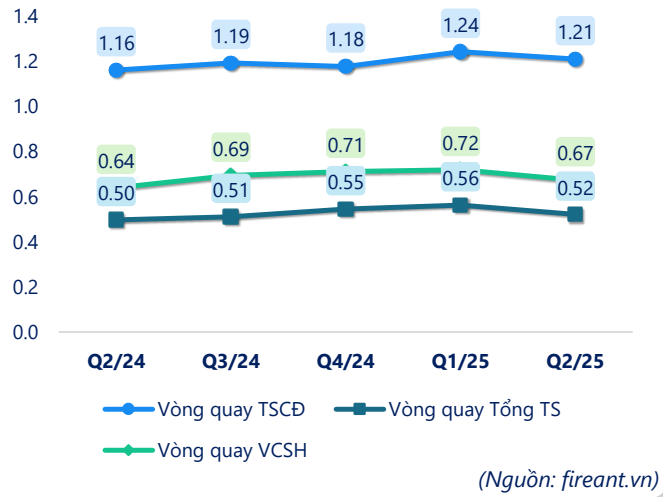
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**524**	**519**	**506**	**518**	**550**
Tài sản ngắn hạn	**187**	**185**	**172**	**188**	**222**
Tiền và tương đương tiền	95.9	95.3	73.5	74.1	67.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.2	29.8	37.1	59.2	103
Phải thu ngắn hạn	15.1	12.7	8.87	7.85	8.71
Hàng tồn kho	37.3	42.9	48.8	43.7	40.7
Tài sản ngắn hạn khác	3.30	4.29	3.28	2.71	2.27
Tài sản dài hạn	**337**	**334**	**334**	**330**	**328**
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.12	0.12	0.12
Tài sản cố định	219	217	247	245	244
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.9	32.9	0.90	1.05	1.05
Đầu tư tài chính dài hạn	67.3	66.3	64.4	62.8	62.7
Tài sản dài hạn khác	18.3	18.1	21.5	21.1	20.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**112**	**140**	**116**	**114**	**131**
Nợ ngắn hạn	**37.2**	**66.3**	**43.4**	**43.5**	**60.6**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.27	12.5	17.7	17.1	21.5
Nợ dài hạn	74.4	73.8	72.6	70.4	70.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**412**	**379**	**390**	**404**	**418**
Vốn chủ sở hữu	**412**	**379**	**390**	**404**	**418**
Vốn điều lệ	135	135	135	135	135
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)